

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM VIETFOOD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM VIETFOOD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETFOOD FOOD IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETFOOD FOOD IMEX.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106989150

**3. Ngày thành lập:** 11/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, ngõ Quan Thổ 1, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983827984

Fax:

Email: [trang279@yahoo.com.vn](mailto:trang279@yahoo.com.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0311     |
| 2.  | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0321     |
| 3.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                          | 1010     |
| 4.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản<br>Chi tiết:<br>- Chế biến và đóng hộp thủy sản ;<br>- Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh ;<br>- Chế biến và bảo quản thủy sản khô ;<br>- Chế biến và bảo quản nước mắm;<br>- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác. | 1020     |
| 5.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1030     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ logistics;                                                                                                                                                                                                                 | 5229     |
| 7.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn;<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.                                                                                                                    | 5510     |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                     | 4711     |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;                                                                                                                                                                                        | 4719     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                                                                      | 4722                                                                |
| 11. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                           | 4723                                                                |
| 12. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống ;<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;                                                                                         | 5610                                                                |
| 13. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                            | 5621                                                                |
| 14. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                  | 5630                                                                |
| 15. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                   | 4620                                                                |
| 16. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                             | 4631                                                                |
| 17. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt ;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả ;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; | 4632(Chính)                                                         |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                         | 4633                                                                |
| 19. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                                                                                    | 4634                                                                |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;                                                          | 4931                                                                |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;                                                                                                                                                  | 4933                                                                |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                | 8299                                                                |
| 23. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).                                                                                            | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN DANH TIẾN | Số 10, làng Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 8.000      | 800.000.000           | 40        | 010753738                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 8.000      | 800.000.000           | 40        |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐĂNG HUY  | Số 10 Quan Thổ, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 8.000      | 800.000.000           | 40        | 00108700562                                                                                 |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 8.000      | 800.000.000           | 40        |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THU TRANG   | Số 10, làng Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 4.000      | 40.000.000            | 2         | 013376798                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 4.000      | 40.000.000            | 2         |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: TRẦN THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 27/09/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013376798

Ngày cấp: 15/03/2011

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 10, làng Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 10, làng Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội